

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày 26 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Mãng và bà Lò Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thuỷ, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Lò Văn T, sinh năm 1980; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản H, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: La Ha; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn B (đã chết) và bà Lò Thị Ứ, sinh năm 1950; bị cáo có vợ Lò Thị K, sinh năm 1981 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án: có 01 tiền án (ngày 18/9/2017 bị Toà án nhân dân huyện M, xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”); tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 28/7/2011 bị Toà án nhân dân huyện M, xử phạt 60 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã được xoá án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Cầm Trọng Thuỷ là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

- Người làm chứng: Thào A D, Lò Văn L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 8 giờ 30 phút, ngày 01/01/2020 tại lán nương của Lò Văn H ở bản H, xã C, huyện M; Thào A D và Lò Văn L gặp Lò Văn T, L hỏi T “anh còn hàng không

bán cho em một ít”, T nói “có, đưa tiền đây”, L đưa cho T số tiền 150.000VNĐ, T cầm tiền và nói “hôm qua lấy 150.000 đồng hôm nay cũng lấy 150.000 đồng à?”, L trả lời “hôm nay bọn em lấy 300.000 đồng”, cùng lúc thì D đưa cho T số tiền 150.000VNĐ, T cầm tiền với D và lấy từ trong ví giả da màu nâu của T ra 01 gói nilon màu hồng đưa cho D, D cầm gói nilon màu hồng T đưa cất vào túi áo khoác bên phải đang mặc thì bị Tổ công tác Công an Đoàn C, huyện M phát hiện, bắt quả tang thu giữ với Thào A D 01 gói nilon màu hồng, bên trong có bột màu trắng, D khai nhận đó là Heroine vừa góp tiền cùng L mua của T. Thấy vậy, T đã tự giác lấy số tiền 300.000VNĐ, 01 ví giả da và 01 gói nilon màu hồng, bên trong có cục bột màu trắng, T khai nhận đó là Heroine ra giao nộp. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng để xử lý.

Trong quá trình điều tra Lò Văn T khai nhận: Vào khoảng 20 giờ ngày 30/12/2019 T gặp và mua 01 gói Heroine của một người đàn ông dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ về chia thành 04 gói nhỏ rồi gói bằng mảnh nilon màu hồng với mục đích để sử dụng và bán kiếm lời; khoảng 17 giờ ngày 31/12/2019 có Lò Văn L và Thào A D đến hỏi mua nên đã bán 01 gói Heroine cho L và Dạng được số tiền 150.000VNĐ.

Ngày 02/01/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng PC09 Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn T, Thào A D và Lò Văn L như sau:

Chất bột màu trắng trong gói nilon màu hồng thu giữ với Thào A D có khối lượng là 0,05 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định ký hiệu TDL.

Chất bột màu trắng trong gói nilon màu hồng thu giữ với Lò Văn T có khối lượng là 0,29 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định ký hiệu T.

Còn lại: vỏ phong bì niêm phong ban đầu và giấy gói cũ niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 03/01/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện thực hiện trưng cầu giám định số tiền 300.000VNĐ thu giữ của Lò Văn T.

Ngày 06/01/2020 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số: 168, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu T, TDL đều là ma túy; loại Heroine; Khối lượng của mẫu gửi giám định là: T= 0,29 gam, TDL= 0,05 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,34 gam; loại Heroine. Hoàn lại chất bột màu trắng thuộc mẫu giám định ký hiệu T không sử dụng đến trong quá trình giám định, có khối lượng 0,15 gam”.

Ngày 16/01/2020 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có kết luận giám định số 227, Kết luận: Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật.

Đối với Thào A D và Lò Văn L, Cơ quan chức năng đã chuyển áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với người đàn ông bán trái phép chất ma túy cho Lò Văn T không có cơ sở để điều tra xử lý.

Anh Lò Văn H không biết việc Tòng sử dụng lán nường để bán trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý, anh H không đề nghị gì.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSML ngày 28/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lò Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy nên đã mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng và bán cho người khác kiếm lời thì bị bắt như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 08 đến 09 năm tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu và tiêu hủy 0,15 gam Heroinne; vỏ phong bì; giấy gói cũ và 01 ví giả da của Lò Văn T; tịch thu 300.000VNĐ và truy thu 150.000VNĐ nộp ngân sách Nhà nước; buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật rất hạn chế; bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự thú nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cho bị cáo hưởng mức hình phạt 07 năm tù, không phạt bổ sung với bị cáo; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn tiền án phí cho bị cáo.

Bị cáo bổ sung bào chữa, tranh luận: bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin miễn tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội

quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Lò Văn T đã mua ma túy về cất giấu, cất giữ với mục đích bán lại kiếm lời và thực tế T đã bán trái phép Heroine cho Thào A D và Lò Văn L lần thứ nhất vào khoảng 17 giờ ngày 31/12/2019 được số tiền 150.000VNĐ và lần thứ hai vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 01/01/2020 T đã bán trái phép Heroine cho Thào A D và Lò Văn L tại lán nương của anh Lò Văn H thuộc bản H, xã C, huyện M thì bị phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại kết luận giám định số 168, ngày 06/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, Kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu T, TDL đều là ma túy; loại Heroine; Khối lượng của mẫu gửi giám định là: T= 0,29 gam, TDL= 0,05 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,34 gam; loại Heroine. Như vậy, Lò Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy (Heroine) cho người khác để kiếm lời là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo T đã trực tiếp mua, cất giấu, cất giữ, bán trái phép chất ma túy hai lần cho Thào A D và Lò Văn L là đã phạm tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. 2. Người nào phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: b) Phạm tội 02 lần trở lên”.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Bị cáo đã được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, vận động, cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, bị cáo đã được cải tạo giáo dục rèn luyện bản thân nhiều lần (đã chấp hành án phạt tù) nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, nhằm mục đích tư lợi cá nhân, kiếm lời dễ dàng bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo không chỉ cất giấu, cất giữ trái phép chất ma túy có tổng khối lượng 0,34 gam mà còn bán trái phép chất ma túy hai lần cho cùng đối tượng mua; tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động do nghiện ma túy và kinh tế của gia đình bị cáo mà còn ảnh hưởng đến chính sách về giáo dục người phạm tội của Nhà nước, ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo T phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 18/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/02/2019 về địa phương đến ngày 01/01/2020 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo chưa được xóa án tích lại cố ý phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm; theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên đã phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt); bị cáo tự thú (đã khai ra hành vi bán trái phép chất ma túy cho D và L ngày 31/12/2019). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo là người dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật hạn chế, tuổi còn trẻ cần xem xét giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu (nhiều lần bị kết án) là đối tượng nghiện ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), chính quyền địa phương xác định bị cáo không chấp hành quy định của địa phương, không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2020 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[8] Đối với Thào A D, Lò Văn L là người nghiện ma túy, cùng nhau góp tiền mua trái phép 0,05 gam Heroine của T, D đang cất giữ và bị bắt quả tang, cả hai chưa có tiền án, tiền sự, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan chức năng đã áp dụng biện xử lý hành chính là có căn cứ; anh Lò Văn H không biết việc T sử dụng lán nướng để bán trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý; đối với người đàn ông bán trái phép chất ma túy cho bị cáo, Cơ quan chức năng không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[9] Vật chứng của vụ án:

Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 0,19 gam Heroine, không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đã niêm phong, lưu kho vật chứng: 0,15 gam Heroine, ký hiệu là T thu giữ của Lò Văn T còn lại là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; giấy gói cũ và 01 ví giả da là vật dụng của bị cáo T đã sử dụng làm phương tiện cất giữ trái phép chất ma túy, vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với số tiền bị cáo T đã bán trái phép chất ma túy cho Thảo A D và Lò Văn L: ngày 01/01/2020 là 300.000VNĐ và bán ngày 31/12/2019 là 150.000VNĐ; tổng cộng là 450.000VNĐ là số tiền do phạm tội mà có, cơ quan chức năng đã thu giữ 300.000VNĐ, còn lại 150.000VNĐ bị cáo đã chi tiêu hết nên cần phải truy thu, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt: Bị cáo Lò Văn T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (01/01/2020); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy: 0,15 (Không phải một năm) gam Heroine, ký hiệu là T; Vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; giấy gói cũ và 01 ví giả da của Lò Văn T.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 450.000VNĐ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) của Lò Văn T, trong đó: đã tạm giữ 300.000VNĐ (Ba trăm

ngàn đồng), phải truy thu tiếp số tiền 150.000VNĐ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/5/2020 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/5/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà